

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 21/02/2023

V/v: “*Tranh chấp chia tài sản
chung sau khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thơ**

Các Thẩm phán: 1/ Ông **Huỳnh Văn Ngoan**;

2/ Bà **Lưu Thị Thu Thủy**.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Lê Thị Liên** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Ông Nguyễn Tấn Bảo - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 77/2022/TLPT-HNGĐ ngày 06/12/2022 về việc tranh chấp: “*Chia tài sản chung sau khi ly hôn*”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 804/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kim D, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Văn T, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: 41/5 Nguyễn Thị T1, khu phố D, Phường A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Theo giấy ủy quyền ngày 29/06/2022.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T2, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn C, sinh 1956

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Người làm chứng: Ông Huỳnh Văn T3, sinh 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Người kháng cáo: Bị đơn anh Phạm Văn T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim D trình bày:

Chị Huỳnh Thị Kim D và anh Phạm Văn T2 chung sống với nhau vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc nên anh chị ly hôn. Theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 45/2017/QĐST-HNGĐ ngày 13/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, về con chung chị D trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Phạm Ngọc T4 sinh ngày 08/10/2004 và Phạm Thị Thảo V, sinh ngày 04/12/2011 anh T2 không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; về nợ chung không có. Tuy nhiên, sau khi ly hôn anh T2 và chị D không thỏa thuận phân chia được tài sản chung nên chị D nộp đơn khởi kiện yêu cầu chia đôi tài sản chung như sau:

+ Thửa đất số 4068 diện tích 367,3m² loại đất trồng lúa; tờ bản đồ số 4, tại ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16/02/2012 cho anh Phạm Văn T2 và chị Huỳnh Thị Kim D.

+ Thửa đất số 573 diện tích 1.250,8m² loại đất trồng lúa nước, tờ bản đồ số 2, tại ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 07/12/2021 cho anh Phạm Văn T2.

+ Diện tích đất 1.500m² loại đất trồng cây lâu năm, tại ấp H, xã N, tiền G do cha chồng là ông Phạm Văn C đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng chị canh tác nhưng chưa có làm thủ tục sang tên cho vợ chồng chị.

Ngoài ra, còn các tài sản khác là 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 01 xe honda wave alpha.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể không yêu cầu giải quyết đối với diện tích đất 1.500m² do ông Phạm Văn C đứng tên; 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 01 xe honda wave alpha. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất 573 và thửa đất 4068 cùng với các tài sản gắn liền với thửa đất 4068 như sau:

Yêu cầu được nhận hiện vật là thửa đất số 573, vì đất này của cha ruột là ông Huỳnh Văn T3 chuyển nhượng cho vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/08/2022.

Chị D đồng ý hoàn lại phần giá trị chênh lệch cho anh T2. Tự nguyện hoàn trả công sức bồi thổ đất cho anh T2 là 20.000.000 đồng và giá trị cây trồng trên đất là 29.399.000 đồng theo biên bản thẩm định định giá ngày 18/08/2022.

Đồng ý giao thửa đất 4068 cùng các tài sản trên đất cho anh T2 được quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất, theo biên bản thẩm định và định giá ngày 18/08/2022 và phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/08/2022.

Thông nhất phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/08/2022 và giá trị đất theo biên bản thẩm định và định giá mà Hội đồng đã định ngày 18/08/2022. Nếu giá trị thửa đất 4068 cùng với tài sản trên đất có giá trị vượt quá phần giá trị được nhận thì yêu cầu hoàn trả lại giá trị chênh lệch cho chị D.

Đối với trình bày của anh T2 về tiền hui và yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng là số tiền 200.000.000 đồng cùng với nữ trang gồm: 01 bộ xi men vàng 18K có trọng lượng 02 lượng thành tiền 60.000.000 đồng; 01 sợi dây chuyền vàng 18 K có trọng lượng là 1,5 chỉ thành tiền là 4.500.000 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng 24K có trọng lượng là 5 phân thành tiền là 2.000.000 đồng. Không đồng ý với yêu cầu của anh T2, do anh T2 không có nộp đơn phản phỏ và chi phí tạm ứng án phí.

Về chi phí đo đạc là 2.000.000 đồng, thẩm định và định giá là 1.500.000 đồng, tổng cộng là 3.500.000 đồng. Yêu cầu anh T2 phải hoàn trả lại cho chị D.

Bị đơn là anh Nguyễn Phạm Văn T5 trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị Kim D kết hôn và ly hôn. Nay chị D khởi kiện yêu cầu chia đôi tài sản chung trên đất cùng với diện tích đất thửa 4068 anh không đồng ý. Đối với thửa đất số 573 anh chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn T3 không nhớ ngày tháng năm nhưng bằng nguồn tiền riêng của anh, hai bên có làm giấy tay hiện nay đã bị thất lạc. Sau khi chuyển nhượng đất xong anh có làm thủ tục hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng việc đi lại làm thủ tục đất khó khăn, đến năm 2021 anh mới được cấp giấy. Nay A không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị D, vì thửa đất số 573 là tài sản riêng của cá nhân anh và thửa đất 4068 cùng với tài sản trên đất không đồng ý chia.

Nếu giả sử Tòa án chia tài sản chung và giao thửa đất số 573 cho chị D, anh yêu cầu hoàn trả giá trị cây trồng trên đất nhưng không đồng ý với giá đất theo biên bản định giá ngày 18/08/2022. Yêu cầu chị D hoàn lại công sức bồi thổ là 105.000.0000 đồng (là tiền anh mua đất để san lấp, tiền thuê cò bẻ chuyển đất vào).

Nay anh không đồng ý biên bản thẩm định và biên bản định giá cùng ngày 18/08/2022 và phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất 4068 và 573 ngày 19/08/2022, nhưng anh không yêu cầu đo đạc, định giá lại. Về chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tổng cộng là 3.500.000 đồng không đồng ý hoàn trả lại cho chị D vì anh không có khởi kiện.

Đối với số tiền 200.000.000 đồng và nữ trang gồm 01 bộ xi men vàng 18K có trọng lượng 02 cây thành tiền 60.000.000 đồng; 01 sợi dây chuyền vàng 18 K có trọng lượng là 1,5 chỉ, thành tiền là 4.500.000 đồng; 01 chiếc nhẫn vàng 24K có trọng lượng là 5 phân, thành tiền là 2.000.000 đồng. Tất cả số tiền và nữ trang này là tài sản chung vợ chồng, sau khi ly hôn chị D mang theo. Nay yêu cầu chia đôi, buộc chị D phải hoàn trả lại $\frac{1}{2}$ số tài sản trên cho anh. Anh T5 không đồng ý nộp đơn phản tố và nộp tạm ứng án phí.

Việc chị D rút một phần yêu cầu khởi kiện anh không có ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn C trình bày:

Ông và anh Phạm Văn T5 có quan hệ cha con, giữa anh T5 và chị D là vợ chồng và đã ly hôn. Khi anh T5 và chị D còn là vợ chồng ông có giao diện tích đất khoảng 1.500m² thuộc quyền sử dụng đất của ông tại ấp Ấ, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang cho vợ chồng anh T5 chị D canh tác để trồng lúa lại cho ông. Nay chị D có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất của ông, thống nhất và có đơn xin vắng mặt phiên tòa.

Người làm chứng là ông Huỳnh Văn T3 trình bày:

Ông và chị Huỳnh Thị Kim D có quan hệ cha con, chị D và anh T5 kết hôn với nhau vào năm 2003, đến năm 2017 cả hai ly hôn. Nguồn gốc thửa đất số 573 do ông mua lại của bà Nguyễn Thị T6 vào khoảng năm 1980, đến năm 2006 ông vừa chuyển nhượng vừa tặng cho lại vợ chồng con gái là Huỳnh Thị Kim D và Phạm Văn T5, nên mới có giá là 60.000.000 đồng. Nay chị D khởi kiện chia đôi tài sản sau khi ly hôn ông thống nhất với ý kiến với chị D.

* Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 804/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân gia đình; Điều 213 Bộ luật dân sự; các Điều 5; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Kim D.

2/ Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của chị Huỳnh Thị Kim D đối với phần diện tích đất 1.500m² loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã N, tiền G do ông Phạm Văn C đứng tên và các tài sản khác là 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 01 xe honda wave alpha.

3/ Xác định tài sản chung của chị Huỳnh Thị Kim D với anh Phạm Văn T5 gồm:

+ Tài sản trên thửa đất số 4068 có các tài sản: Mái che diện tích 8m x 3m = 24m²; Chuồng bò diện tích 5,5m x 4m = 22m²; Hàng rào, diện tích 39,8m x 2m = 79,6m²; Cổng rào, diện tích 2,2m x 2,5m = 5,5m²; Các cây trồng: 02 cây dừa loại B1, 03 cây dừa loại C, 16 cây mít loại B2, 06 cây mít loại C, 11 cây kiếng đất có đường kính nhỏ hơn 10cm.

+ Thửa đất số 4068 diện tích 367,3m² loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16/02/2012 cho vợ chồng anh Phạm Văn T5 và chị Huỳnh Thị Kim D. Qua đo đạc thực tế diện tích đất là 364,6m² có vị trí tứ cận:

Hướng Bắc giáp với đất ông Huỳnh Văn T7 (thửa 71)

Hướng Nam giáp với đường N, đá

Hướng Đông giáp với đất ông Lưu Văn C1 (thửa 4067)

Hướng Tây giáp với đất ông Lưu Văn K (thửa 4069)

+ Thửa đất 573 diện tích 1.211,2m² loại đất trồng lúa nước, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do anh Phạm Văn T5 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp vào ngày 07/12/2021. Qua đo đạc thực tế có diện tích 1.250,8m² có vị trí tứ cận.

Hướng Bắc giáp với đất ông Huỳnh Văn Đ (thửa 574)

Hướng Nam giáp với đất ông Huỳnh Văn Chai

Hướng Đông giáp với đất ông Huỳnh Văn Đ (thửa 575)

Hướng Tây giáp với đất bà Phan Thị M (thửa 767).

Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/08/2022.

Tổng giá trị tài sản chung có giá trị tương đương thành tiền là: 848.531.460 đồng (tám trăm bốn mươi tám triệu năm trăm ba mươi một ngàn bốn trăm sáu mươi đồng). Nên chia cho chị Huỳnh Thị Kim D và anh Phạm Văn T5 mỗi người $\frac{1}{2}$ tài sản chung trị giá là 848.531.460 đồng: 2 = 424.265.730 đồng (bốn trăm hai mươi bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm ba mươi đồng).

Giao cho Huỳnh Thị Kim D thửa đất 573 diện tích 1.211,2m² loại đất trồng lúa nước, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do anh Phạm Văn T5 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp vào ngày 07/12/2021. Qua đo đạc thực tế có diện tích 1.250,8m² có vị trí tứ cận.

Hướng Bắc giáp với đất ông Huỳnh Văn Đ (thửa 574)

Hướng Nam giáp với đất ông Huỳnh Văn Chai

Hướng Đông giáp với đất ông Huỳnh Văn Đ (thửa 575)

Hướng Tây giáp với đất bà Phan Thị M (thửa 767)

Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/08/2022.

Buộc chị Huỳnh Thị Kim D có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Phạm Văn T5 số tiền 213.642.270 đồng là giá trị chênh lệch so với giá trị chị D được nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Huỳnh Thị Kim D hoàn trả giá trị cây trồng 29.399.000 đồng và tiền công sức bồi thổ 20.000.000 đồng. Tổng số tiền chị Huỳnh Thị Kim D phải hoàn trả cho anh Phạm Văn T5 là 263.041.270 đồng ngay khi án có hiệu lực.

Chị Huỳnh Thị Kim D được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất tại thửa 573 theo biên bản thẩm định và định giá ngày 18/08/2022.

Giao cho anh Phạm Văn T5 thửa đất số 4068 diện tích 367,3m² loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16/02/2012 cho vợ chồng anh Phạm Văn T5 và chị Huỳnh Thị Kim D. Qua đo đạc thực tế diện tích là 364,6m² có vị trí tứ cận:

Hướng Bắc giáp với đất ông Huỳnh Văn T7 (thửa 71)

Hướng Nam giáp với đường N, đá

Hướng Đông giáp với đất ông Lưu Văn C1 (thửa 4067)

Hướng Tây giáp với đất ông Lưu Văn K (thửa 4069)

Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/08/2022.

Buộc anh Phạm Văn T5 có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Huỳnh Thị Kim D số tiền 1.750.000 đồng là chi phí đo đạc, thẩm định và định giá, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Phạm Văn T5 được quyền sở hữu toàn tài sản trên đất tại thửa 4068 theo biên bản thẩm định và định giá ngày 18/08/2022.

Chị D, anh T5 được quyền đăng ký biến động đất đai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 95 Luật đất đai.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/9/2022, bị đơn anh Phạm Văn T5 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xem xét, giải quyết theo hướng chia đôi tài sản chung và trả lại tiền đầu tư mua đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Tráng thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo, anh đồng ý phần đất thửa số 4068 là tài sản chung của vợ chồng, còn thửa đất số 573 là tài sản riêng của anh, anh yêu cầu cả 02 thửa đất này đều phải chia đôi cho vợ chồng. Chị D không đồng ý theo yêu cầu của anh T5. Hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T5, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị Kim D khởi kiện anh Phạm Văn T5 yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn là đúng theo qui định tại điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa, anh T5 yêu cầu cả hai thửa đất này đều phải chia đôi, anh không đồng ý giao cho mỗi người một thửa như án sơ thẩm và anh T5 cũng thống nhất thửa đất số 4068 diện tích 367,3 m² do vợ chồng anh chị đứng tên là tài sản chung của vợ chồng. Còn thửa số 573 có diện tích 1.211,2 m² do anh đứng tên là tài sản riêng của anh.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh T5 hội đồng xét xử nhận thấy: Thửa đất 573 diện tích 1.211,2 m², qua đo đạc thực tế 1.250,8 m² do anh Phạm Văn T5 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp vào ngày 07/12/2021. Anh T5 cho rằng đây là tài sản riêng của anh, anh nhận chuyển nhượng từ ông Huỳnh Văn T3 nên anh không đồng ý chia cho vợ. Xét thấy, phần đất này có nguồn gốc của bà Nguyễn Thị T6, năm 1980 bà T6 chuyển nhượng cho ông Huỳnh Văn C2 (Trai) sử dụng, hai bên viết giấy tay, không làm hợp đồng. Đến năm 2006, ông C2 (Trai) chuyển nhượng cho anh T5 cũng viết giấy tay, không làm hợp đồng, khi đó ông C2 (Trai) cũng chưa được cấp giấy chủ quyền phần đất này. Sau khi nhận chuyển nhượng từ ông C2 (Trai) thì anh T5 mới làm các thủ tục cấp giấy nên kéo dài đến ngày 07/12/2021 anh T5 được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kể từ khi nhận chuyển nhượng phần đất này cho đến nay vợ chồng anh canh tác phần đất này. Anh T5 cho rằng anh mua phần đất này từ nguồn tiền riêng của anh, nhưng anh không có chứng cứ gì để chứng minh và chị D cũng không thừa nhận nên có cơ sở xác định phần đất này là tài sản chung của vợ chồng anh chị.

Đối với phần đất thửa số 4068 diện tích 367,3 m² anh T5 cũng xác định đây là tài sản chung của vợ chồng, nên cấp sơ thẩm xác định tài sản chung của anh chị là thửa đất 4068 gắn liền với tài sản trên đất và thửa đất 573 là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật.

Bên cạnh đó, anh T5 còn yêu cầu cả 02 thửa đất này đều phải chia đôi, không đồng ý chia mỗi người một thửa như cấp sơ thẩm. Xét yêu cầu kháng cáo này của anh T5 là không có cơ sở. Bởi lẽ, việc chia tài sản chung của vợ chồng phải căn cứ vào nguồn gốc tài sản, điều kiện canh tác và ý chí, nguyện vọng của mỗi bên để tránh manh mún trong việc sử dụng đất.

Cấp sơ thẩm căn cứ vào biên bản thẩm định, định giá ngày 18/8/2022 và phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/8/2022 thì tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng là 848.908.000 đồng và chia cho chị D thửa đất 573 diện tích 1.211,2 m²; chia cho anh T5 thửa đất số 4068 có diện tích 367,3 m². Chị D được sở hữu tài sản có giá trị cao nên chị có trách nhiệm hoàn lại giá trị chênh lệch so với tài sản được chia cho anh T5 là 213.642.270 đồng là có căn cứ.

Ngoài ra, anh T5 còn kháng cáo yêu cầu chị D trả lại tiền đầu tư mua đất là 100.000.000 đồng. Xét yêu cầu kháng cáo này của anh T5 là không có căn cứ. Bởi lẽ, anh không cung cấp được các loại giấy tờ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình và chị D cũng không đồng ý. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị D tự nguyện trả lại anh T5 số tiền 20.000.000 đồng tiền công sức bồi thổ trên đất, cấp sơ thẩm đã ghi nhận tự nguyện này của chị D.

Từ những phân tích trên, hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T5, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh T5 không được chấp nhận nên anh phải chịu án phí phúc thẩm theo qui định.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định trên nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Văn T5.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân sơ thẩm số 804/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân gia đình; Điều 213 Bộ luật dân sự; các Điều 5; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 228; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Kim D.

2/ Đình chỉ xét xử yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng của chị Huỳnh Thị Kim D đối với phần diện tích đất 1.500m² loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã N, tiền G do ông Phạm Văn C đứng tên và các tài sản khác là 01 tủ lạnh hiệu Panasonic; 01 máy giặt hiệu Sanyo; 01 xe honda wave alpha.

3/ Chia cho Huỳnh Thị Kim D được quyền quản lý, sử dụng thửa đất 573 diện tích 1.211,2m² loại đất trồng lúa nước, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do anh Phạm Văn T5 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp vào ngày 07/12/2021. Qua đo đạc thực tế có diện tích 1.250,8m² có vị trí tứ cận.

Hướng Bắc giáp với đất ông Huỳnh Văn Đ (thửa 574)

Hướng Nam giáp với đất ông Huỳnh Văn Chai

Hướng Đông giáp với đất ông Huỳnh Văn Đ (thửa 575)

Hướng Tây giáp với đất bà Phan Thị M (thửa 767)

Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/08/2022.

Buộc chị Huỳnh Thị Kim D có nghĩa vụ hoàn trả cho anh Phạm Văn T5 số tiền 213.642.270 đồng là giá trị chênh lệch so với giá trị chị D được nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Huỳnh Thị Kim D hoàn trả giá trị cây trồng 29.399.000 đồng và tiền công sức bồi thổ 20.000.000 đồng. Tổng số tiền chị Huỳnh Thị Kim D phải hoàn trả cho anh Phạm Văn T5 là 263.041.270 đồng, khi án có hiệu lực.

Chị Huỳnh Thị Kim D được quyền sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất tại thửa 573 theo biên bản thẩm định và định giá ngày 18/08/2022.

4/ Chia cho anh Phạm Văn T5 được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 4068 diện tích 367,3m² loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 16/02/2012 cho vợ chồng anh Phạm Văn T5 và chị Huỳnh Thị Kim D. Qua đo đạc thực tế diện tích là 364,6m² có vị trí tứ cận:

Hướng Bắc giáp với đất ông Huỳnh Văn T7 (thửa 71)

Hướng Nam giáp với đường N, đá

Hướng Đông giáp với đất ông Lưu Văn C1 (thửa 4067)

Hướng Tây giáp với đất ông Lưu Văn K (thửa 4069)

Theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 19/08/2022.

Buộc anh Phạm Văn T5 có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Huỳnh Thị Kim D số tiền 1.750.000 đồng là chi phí đo đạc, thẩm định và định giá, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Phạm Văn T5 được quyền sở hữu toàn tài sản trên đất tại thửa 4068 theo biên bản thẩm định và định giá ngày 18/08/2022.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Chị D, anh T5 được quyền đăng ký biến động đất đai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại điểm k khoản 4 Điều 95 Luật đất đai.

Các bên thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

5/ Về án phí:

- Chị Huỳnh Thị Kim D phải chịu 23.440.579 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị D đã nộp 4.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020449 ngày 23/05/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, nên chị D còn phải nộp tiếp 19.240.579 đồng.

- Anh Phạm Văn T5 phải chịu 20.334.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh T5 phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT. Anh T5 đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0020907 ngày 21/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xem như thi hành xong án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục h Châu Thành;
- Tòa án ND H Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thơ